

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 496/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 12 năm 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận

Ông Nguyễn Công Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ V N**, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu đô thị H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Võ V N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh Thuận có hành vi đánh đập chị. Vì cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 10/9/2014, Trần Vinh T, sinh ngày 21/4/2017 và Trần Đức P, sinh ngày 23/4/2019. Cả 03 con chung hiện đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi các con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định

pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Thuận: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Thuận đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; chị Võ V N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ V N và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định không còn tình cảm yêu thương anh T, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Chị N mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với anh Trần Văn T, Tòa án đã thông báo cho anh T biết yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh T không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 10/9/2014, Trần Vinh T, sinh ngày 21/4/2017 và Trần Đức P, sinh ngày 23/4/2019. Cả 03 con chung hiện đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi các con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng. Thấy rằng, các con chung đã sống ổn định cùng với chị N từ khi chị N và anh T ly thân với nhau cho đến nay. Do đó, việc giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con theo quy định pháp luật là 1.000.000 đồng/01 người con/tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ V N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 10/9/2014, Trần Vinh T, sinh ngày 21/4/2017 và Trần Đức P, sinh ngày 23/4/2019 cho chị Võ V N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/01 người con (3.000.000 đồng/tháng/03 người con), cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày 19/12/2022.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Võ V N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 24/10/2022 chị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005562 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

- Anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang